**NỘI DUNG RÀ SOÁT BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH LỚP 9 HIỆN HÀNH**

**VỚI CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018**

**PHẦN VĂN HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề/nội dung CT GDPT 2006** | **Chủ đề/nội dung CT GDPT 2018** | **Mức độ cần đạt trong Chương trình GDPT 2006** | **Yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT 2018** | **Nội dung/Yêu cầu cần đạt được điều chỉnh, bổ sung trong Chương trình 2006**  *(những nội dung kiến thức trong CT 2006 còn thiếu so với yêu cầu cần đạt CT 2018)* | | |
| **Văn học** | **Đọc hiểu, Nghe** | ***Văn bản***  *Văn bản văn học*  *+ Truyện trung đại Việt Nam*  - Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm (hoặc trích đoạn) truyện trung đại Việt Nam (*Chuyện người con gái Nam Xương -* Nguyễn Dữ, *Hoàng Lê nhất thống chí -* Ngô gia văn phái*,Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh -* Phạm Đình Hổ) : sự kiện lịch sử, số phận và tâm tư con người ; nghệ thuật xây dựng nhân vật, tái hiện sự kiện, sử dụng điển cố, điển tích,....  - Bước đầu hiểu một số đặc điểm về thể loại truyện chương hồi, tuỳ bút trung đại.  - Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của một số trích đoạn truyện thơ trung đại Việt Nam (*Chị em Thuý Kiều, Cảnh ngày xuân, Kiều ở lầu Ngưng Bích, Mã Giám Sinh mua Kiều* - Nguyễn Du ; *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga, Lục Vân Tiên gặp nạn* - Nguyễn Đình Chiểu) : tinh thần nhân văn, số phận và khát vọng hạnh phúc của con người, ước mơ về tự do, công lí, sự phê phán những thế lực hắc ám trong xã hội phong kiến ; nghệ thuật tự sự.  - Bước đầu hiểu về thể loại truyện thơ Nôm và một số đóng góp lớn của truyện thơ trung đại vào sự phát triển của văn học dân tộc.  *Truyện Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945*  - Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm (trích đoạn) truyện Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 (*Làng* - Kim Lân*, Lặng lẽ Sa Pa* - Nguyễn Thành Long*, Chiếc lược ngà* - Nguyễn Quang Sáng*, Bến quê* - Nguyễn Minh Châu, *Những ngôi sao xa xôi* - Lê Minh Khuê) : tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tình cảm nhân văn, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, xây dựng nhân vật, sắp xếp tình tiết, chọn lọc ngôn ngữ*.*  - Biết đặc điểm và những đóng góp của truyện Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 vào nền văn học dân tộc.  *Truyện nước ngoài*  - Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm (hoặc trích đoạn) truyện nước ngoài (*Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang -* Đ. Đi-phô,*Bố của Xi-mông -* G. Mô-pa-xăng, *Con chó Bấc -* G. Lân-đơn, *Cố hương -* Lỗ Tấn, *Những đứa trẻ -* M. Go-rơ-ki) : tình cảm nhân văn, nghệ thuật xây dựng tình huống, nghệ thuật miêu tả và kể chuyện,...  *Thơ hiện đại Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám1945 và thơ nước ngoài*  - Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của một số bài thơ hiện đại Việt Nam sau 1945 và nước ngoài (*Đồng chí* - Chính Hữu*, Đoàn thuyền đánh cá -* Huy Cận*, Bếp lửa* - Bằng Việt*, Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ* - Nguyễn Khoa Điềm*, Bài thơ về tiểu đội xe không kính -* Phạm Tiến Duật, *Viếng lăng Bác* - Viễn Phương, *Mùa xuân nho nhỏ -* Thanh Hải, *Ánh trăng* - Nguyễn Duy*, Con cò-* Chế Lan Viên*, Nói với con* - Y Phương, *Sang thu* - Hữu Thỉnh, *Mây và sóng* - Ta-go) : tình cảm cao đẹp, tư tưởng nhân văn, cảm hứng đa dạng trước cuộc sống mới, nghệ thuật biểu cảm, ngôn ngữ tinh tế.  - Bước đầu khái quát được những thành tựu, đóng góp của thơ Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 đối với văn học dân tộc.  *+ Kịch hiện đại Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám* 1*945*  - Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của hai trích đoạn kịch hiện đại (*hồi 4* vở *Bắc Sơn* - Nguyễn Huy Tưởng, *cảnh 3* vở *Tôi và chúng ta -* Lưu Quang Vũ) : phản ánh và giải quyết các mâu thuẫn trong cuộc sống hiện đại, nghệ thuật xây dựng xung đột kịch, lời thoại, hành động nhân vật.  - Bước đầu khái quát được những thành tựu đóng góp của kịch hiện đại đối với văn học dân tộc.  *Nghị luận hiện đại Việt Nam và nước ngoài*  -Hiểu, cảm nhận được nghệ thuật lập luận, ý nghĩa thực tiễn và giá trị nội dung của các tác phẩm nghị luận hiện đại (*Bàn về đọc sách* - Chu Quang Tiềm, *Tiếng nói của văn nghệ* - Nguyễn Đình Thi, *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* - Vũ Khoan).  -Phân biệt được nghị luận xã hội và nghị luận văn học.  *Văn bản nhật dụng*  - Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số văn bản nhật dụng phản ánh những vấn đề hội nhập và bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, chiến tranh và hoà bình, quyền trẻ em.  - Xác định được thái độ ứng xử đúng đắn với các vấn đề trên.  - Bước đầu hiểu sự đan xen các phương thức biểu đạt, nghệ thuật trình bày thuyết phục, có tác dụng thúc đẩy hành động người đọc của các văn bản nhật dụng. | **Đọc hiểu**  **Văn bản văn học**  ***Đọc hiểu nội dung***   * Nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. * Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. * Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua vănbản.   ***Đọc hiểu hình thức***   * Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản văn học. * Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại. * Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì, truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện. * Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bảntruyện. * Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lụcbát. * Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tutừ. * Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.   ***Liên hệ, so sánh, kết nối***  - Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.   * Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại. * Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học.   ***Đọc mở rộng***   * Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. * Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.   **Văn bản nghị luận**  ***Đọc hiểu nội dung***  ***-*** Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.   * Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. * Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong vănbản.   ***Đọc hiểu hình thức***  ***-*** Nhận biết và đánh giá được cách thuyết phục thường dùng trong quảng cáo thương mại.   * Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của ngườiviết).   ***Liên hệ, so sánh, kết nối***  Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.  – Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.  ***Đọc mở rộng***  Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 9 văn bản nghị luận ( bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.  **Văn bản thông tin**  ***Đọc hiểu nội dung***   * Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của vănbản. * Đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong vănbản.   ***Đọc hiểu hình thức***   * Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. * Nhận biết và phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...   ***Liên hệ, so sánh, kết nối***   * Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản. * Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.   ***Đọc mở rộng***  Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin ( bao gồm cả văn bản được  hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học. |  |
| **Văn bản văn học**  - Văn bản thông tin (2 tiết)  ***+*** Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản; đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong vănbản.  ***+*** Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...  ***+*** Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản; liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống. | | |
|
| **Kiến thức chung** | **Kiến thức văn học** | ***Lịch sử văn học và lí luận văn học***  - Hiểu khái quát về lịch sử văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử.  - Biết một số nét về thân thế, sự nghiệp, vị trí của một số tác giả văn học trung đại và văn học hiện đại Việt Nam có tác phẩm được học trong chương trình.  - Hệ thống hoá một số khái niệm lí luận văn học thường gặp trong phân tích, tiếp nhận các văn bản văn học đã học.  - Bước đầu nhận biết về một vài đặc điểm của các thể loại : truyện truyền kì, truyện thơ, truyện hiện đại, thơ tự do, thơ hiện đại, nghị luận chính trị - xã hội, nghị luận văn học. | * 1. Nội dung và hình thức văn bản văn học   2. Cảm hứng chủ đạo và tư tưởng của tác phẩm   3. Cốt truyện, nhân vật; lời thoại trong truyện thơ Nôm   4. Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện trong truyện truyền kì và truyện trinh thám   5. Lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện   6. Thơ song thất lục bát: khổ thơ, số chữ, số dòng, vần, nhịp,   2.5. Xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại trong kịch bản văn học (bi kịch)  3. Sơ giản về lịch sử văn học và vai trò của lịch sử văn học trong đọc hiểu văn bản  **Ngữ liệu**  1.1. Văn bản văn học  - Truyện truyền kì, truyện trinh thám  - Thơ song thất lục bát, truyện thơ Nôm, thơ tám chữ  - Bi kịch  1.2. Văn bản nghị luận  - Nghị luận xã hội  - Nghị luận văn học  1.3. Văn bản thông tin  - Văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử  - Bài phỏng vấn | - Các yếu tố khi đọc truyện trinh thám (Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện) (1 tiết) | |

**PHẦN TIẾNG VIỆT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề/nội dung CT GDPT 2006** | **Chủ đề/nội dung CT GDPT 2018** | **Mức độ cần đạt trong Chương trình GDPT 2006** | **Yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT 2018** | **Nội dung/Yêu cầu cần đạt được điều chỉnh, bổ sung trong Chương trình 2006** | |
| **Nội dung bổ sung** | **Định hướng bổ sung** |
| **Tiếng Việt** | **Kiến thức Tiếng Việt** | ***Từ vựng***  *Các lớp từ*  - Hiểu thế nào là thuật ngữ; Biết cách sử dụng thuật ngữ, đặc biệt trong văn bản khoa học; Biết các lỗi thường gặp và cách sửa lỗi dùng thuật ngữ.  -Hiểu nghĩa và biết cách sử dụng từ Hán Việt thông dụng.  *Mở rộng và trau dồi vốn từ*  - Biết nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển của vốn từ vựng tiếng Việt.  - Biết các phương thức phát triển vốn từ cơ bản của tiếng Việt : phát triển nghĩa của từ trên cơ sở nghĩa gốc, phương thức ẩn dụ và phương thức hoán dụ, mượn từ ngữ nước ngoài, tạo từ ngữ mới.  - Biết cách trau dồi vốn từ.  - Biết các lỗi thường gặpvà cách sửa chữa lỗi dùng từ trong nói và viết.  ***Ngữ pháp***  *Các thành phần câu*  - Hiểu thế nào là khởi ngữ và các thành phần biệt lập (thành phần gọi - đáp, thành phần phụ chú, thành phần tình thái, thành phần cảm thán).  - Nhận biết và hiểu tác dụng của thành phần khởi ngữ và các thành phần biệt lập trong văn bản.  - Biết cách sử dụng khởi ngữ và các thành phần biệt lập trong nói và viết.  *Nghĩa tường minh và hàm ý*  *-* Hiểu thế nào là nghĩa tường minh và hàm ý.  - Biết điều kiện sử dụng hàm ý trong câu.  - Biết cách sử dụng hàm ý phù hợp với tình huống giao tiếp.  ***Hoạt động giao tiếp***  - Hiểu thế nào là các phương châm hội thoại; Biết vận dụng các phương châm hội thoại vào thực tiễn giao tiếp.  - Biết cách xưng hô trong hội thoại.  - Hiểu thế nào là cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.  - Nhận biết và hiểu tác dụng của cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong các văn bản.  - Biết chuyển đổi câu theo lối dẫn trực tiếp và gián tiếp. | 1.1. Sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn (ví dụ: đồng trong đồng dao, đồng âm, đồng minh; minh trong thanh minh, minh oan, u minh)  1.2. Điển tích, điển cố (ví dụ: Ngưu Lang*– Chức Nữ,Tái ông thất mã):* đặcđiểm và tác dụng  1.3. Nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng (như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB,IMF, ASEAN, WTO,...)  2.1. Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu(thay đổi trật tự các thành phần trong câu, thêm thành phần phụ,...): đặc điểm và tác dụng  2.2. Lựa chọn câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép, các kết từ để nối các vế câu ghép  2.3. Câu rút gọn và câu đặc biệt: đặc điểm và chức năng  3.1. Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần: đặc điểm và tác dụng 3.2. Sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp    3.4. Một số lưu ý về tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn  4.1. Sự phát triển của ngôn ngữ: từ ngữ mới và nghĩa mới.  4.2. Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếngViệt:chữNômvàchữQuốcngữ  4.3. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,... | 1. Điển tích, điển cố (ví dụ: Ngưu Lang*– Chức Nữ,Tái ông thất mã):* đặc điểm và tác dụng  2. Nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng (như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB,IMF, ASEAN, WTO,...)  3. Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu  4. Lựa chọn câu đơn, câu ghép, các kiểu câu ghép, các kết từ để nối các vế câu ghép  5.Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần: đặc điểm và tác dụng    6. Một số lưu ý về tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn  7. Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ  8. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,... | Có thể Tích hợp trong đọc hiểu đoạn trích: “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.  Tích hợp vào dạy văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”.  Có thể tích hợp vào bài: Tổng kết về ngữ pháp (tiếp theo). Dự kiến 1 tiết.  Có thể tích hợp vào bài: Tổng kết về từ vựng (tiếp theo, mục II).Dự kiến ½ tiết.  Có thể tích hợp với bài: Cách dẫn trực tiếp và dẫn gián tiếp. Dự kiến 1/2 tiết).  Dự kiến 1 tiết.  Dự kiến 1 tiết. |

**PHẦN TẬP LÀM VĂN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề/ nội dung CTGDPT 2006** | **Chủ đề/ nội dung CTGDPT 2018** | **Mức độ cần đạt trong Chương trình GDPT 2006** | **Yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT 2018** | **Nội dung/ Yêu cầu cần đạt được điều chỉnh, bổ sung trong Chương trình 2006** | |
| **Tập làm văn** | **Viết, nói** | **Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản** | **Kiểu văn bản và thể loại** | **Nội dung bổ sung** | **Định hướng bổ sung** |
|  |  | -Hiểu thế nào là phép phân tích và tổng hợp.  -Nhận biết và hiểu tác dụng của phép phân tích và tổng hợp trong các văn bản nghị luận.  -Biết cách sử dụng phép phân tích và tổng hợp trong tạo lập văn bản nghị luận.  -Hiểu tác dụng của liên kết câu và liên kết đoạn văn.  -Biết sử dụng các phép liên kết trong viết và nói.  **Các kiểu văn bản**  Tự sự  -Hệ thống hoá những hiểu biết cơ bản về văn bản tự sự: đặc điểm, nội dung, hình thức, cách tạo lập, cách tóm tắt.  -Hiểu vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm và lập luận; người kể và ngôi kể; đối thoại và độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn tự sự.  -Biết viết đoạn văn, bài văn tự sự có các yếu tố miêu tả nội tâm, biểu cảm, nghị luận và chuyển đổi ngôi kể.  -Biết trình bày miệng đoạn văn, bài văn tự sự có sự kết hợp với các yếu tố miêu tả nội tâm, biểu cảm, lập luận và chuyển đổi ngôi kể.  Nghị luận  -Hệ thống hoá những hiểu biết cơ bản về văn bản nghị luận: đặc điểm, nội dung, hình thức, cách tạo lập, cách tóm tắt.  -Hiểu thế nào là bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống; về một vấn đề tư tưởng, đạo lí, về một tác phẩm (hoặc đoạn trích) truyện, về một bài thơ (hoặc đoạn thơ).  -Nắm được yêu cầu, bố cục, cách xây dựng đoạn và lời văn trong bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống; về một vấn đề tư tưởng, đạo lí, về một tác phẩm (hoặc đoạn trích) truyện, về một bài thơ (hoặc đoạn thơ).  -Bài viết, trình bày bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống; về một vấn đề tư tưởng, đạo lí, về một tác phẩm (hoặc đoạn trích) truyện, về một bài thơ (hoặc đoạn thơ).  Thuyết minh  -Hệ thống hoá những hiểu biết về văn thuyết minh: đặc điểm, nội dung, hình thức, cách thức làm bài văn thuyết minh.  -Hiểu vai trò, cách đưa các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả vào văn bản thuyết minh.  -Biết viết, trình bày bài văn thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả.  Hành chính – công vụ.  -Hiểu thế nào là biên bản, hợp đồng, thư, điện chúc mừng, thăm hỏi.  -Biết cách viết biên bản; hợp đồng; thư, điện chúc mừng, thăm hỏi thông dụng theo mẫu.  **Hoạt động ngữ văn**  -Hiểu thế nào là thơ tám chữ. | -Văn bản tự sự: truyện kể, mô phỏng một truyện đã đọc; truyện kể chuyển nội dung từ một truyện tranh.  -Văn bản biểu cảm: thơ tám chữ; đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.  - Văn nghị luận: vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản nghị luận; bài nghị luận nêu vấn đề và giải pháp; bài phân tích một tác phẩm văn học.  - Văn bản thông tin: cách trình bày các ý tưởng và thông tin trong văn bản; hiệu quả biểu đạt của phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin; văn bản giải thích một hiện tượng xã hội; văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử; quảng cáo, tờ rơi.  **Viết**  **Quy trình viết**  -Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  -Có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn văn bản của người khác.  **Thực hành viết**  -Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.  -Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ. Viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.  -Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.  -Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.  -Viết được bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh hoạ.  -Viết được một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.  **Nói**  -Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,…)  -Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự.  -Thuyết minh được về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ bảng biểu, hình ảnh minh hoạ.  **Nói và nghe tương tác**  **-**Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.  -Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn. | *Viết*  *-Quy trình viết.*  -Viết được một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.  ***Nói***  -Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,…)  -Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự.  -Thuyết minh được về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ bảng biểu, hình ảnh minh hoạ.  *Nói và nghe tương tác.*  -Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.  -Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn. | Có thể tích hợp vào Bài 12: Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.  (Dự kiến 1/2 tiết)  Có thể tích hợp vào Bài 10: Nghị luận trong văn bản tự sự.  (Dự kiến 1/2 tiết)  Có thể tích hợp vào Bài 2: Luyện tập sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.  (Dự kiến 1/2 tiết)  Có thể tích hợp vào Bài 2: Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.  (Dự kiến 1/2 tiết)  Có thể tích hợp vào Bài 19: Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.  (Dự kiến 1/2 tiết)  Có thể tích hợp vào Bài 10: Nghị luận trong văn bản tự sự.  (Dự kiến 1/2 tiết) |